

An Giang, ngày 25 tháng 11 năm 2025

PHÂN CÔNG CUNG CẤP MINH CHỨNG LOẠI 2
(Kèm theo Công văn số 1821/ĐHAG-CTSV ngày 25/11/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

Tiêu chí	Nội dung	Hạn mức	Đơn vị cung cấp minh chứng loại 2
I.	Đánh giá ý thức, thái độ học tập và nghiên cứu khoa học	30.00	
I.1	Kết quả học tập (Chỉ lấy kết quả lần 1, không tính điểm cải thiện) <ul style="list-style-type: none"> • Có ĐTBCHT từ 5 -> cận 7 (4đ) • Có ĐTBCHT từ 7 -> cận 8 (6đ) • Có ĐTBCHT từ 8 -> cận 9 (8đ) • Có ĐTBCHT từ 9 -> 10 (10đ) 	10.00	Phòng Khảo thí và ĐBCL
I.2.	Hoạt động ngoại khóa	10.00	
I.2.1.	Tham gia hoạt động của Bộ phận, các Câu lạc bộ của Trường/Khoa (2 điểm/hoạt động)	4.00	Phòng CTSV, Các Khoa, Hội SV
I.2.2.	Tham gia các chương trình tọa đàm, báo cáo chuyên đề, hội thảo khoa học, hội nghị học tốt (cộng 02 học kỳ), rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành,... (02 điểm/chương trình)	6.00	Các Phòng ban, Trung tâm, Các Khoa, Đoàn TN, Hội SV
I.3.	Tham gia các kỳ thi, cuộc thi	4.00	
I.3.1.	Tham gia các kỳ thi, cuộc thi từ cấp Khoa trở lên (02 điểm/cuộc thi)	4.00	Các Phòng ban, Trung tâm, Các Khoa, Đoàn TN, Hội SV
I.3.2.	Là thành viên đội tuyển cấp Trường trở lên	4.00	Các đơn vị có cử sinh viên tham gia các cuộc thi thời gian tính theo học kỳ.
I.4.	Nghiên cứu khoa học	6.00	
I.4.1.	Tham gia hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học từ cấp Khoa trở lên (có xác nhận của Giảng viên, cộng tối đa 2 học kỳ)	3.00	Các đơn vị phụ trách/Sinh viên
I.4.2.	Có đề tài nghiên cứu khoa học các cấp	6.00	Phòng KHCN, các Khoa
I.4.3.	Có bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc Hội đồng CDGSNN hoặc cao hơn	5.00	Các đơn vị phụ trách/Sinh viên
I.4.4.	Có bài đăng trong Hội thảo Khoa học Cấp Trường	4.00	Các đơn vị phụ trách/Sinh viên
I.4.5.	Có bài đăng trong Hội thảo Khoa học Cấp Khoa	3.00	Các đơn vị phụ trách/Sinh viên
II.	Đánh giá ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường	20.00	

Tiêu chí	Nội dung	Hạn mức	Đơn vị cung cấp minh chứng loại 2
II.1.	Thực hiện tốt việc lấy ý kiến phản hồi từ người học trực tuyến.	2.00	Phòng Khảo thí &ĐBCL lập danh sách KHÔNG thực hiện.
II.2.	Chấp hành tốt nội quy, quy chế của Trường (Quy chế Công tác sinh viên, Quy chế Đào tạo, quy chế thi/kiểm tra,...) (trừ 2 điểm/lần vi phạm)	8.00	Phòng CTSV, Khảo thí &ĐBCL, Phòng Đào tạo, Phòng KHTV, Khoa, CVHT... lập danh sách quy phạm.
II.3.	Chấp hành tốt quy chế nội trú/ngoại trú, thực hiện kê khai thông tin nội trú/ngoại trú đúng quy định (cộng 2 học kỳ)	5.00	Đ/c Nhung - Phòng CTSV
II.4.	Tham gia Bảo hiểm y tế theo quy định	3.00	Tổ Y tế - P.QTTB lập danh sách KHÔNG tham gia.
II.5.	Tham gia bảo vệ tài sản, giữ gìn vệ sinh trong khuôn viên trường, để xe đúng nơi quy định (trừ 2 điểm/lần vi phạm)	2.00	P.CTSV, các khoa hoặc các lớp lập danh sách sinh viên quy phạm.
III.	Đánh giá ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục-thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	25.00	
III.1.	Tuần Sinh hoạt công dân – sinh viên	10.00	
III.1.1.	Tham gia đầy đủ các buổi Sinh hoạt công dân – sinh viên đầu năm (vắng 1 buổi trừ 1 điểm)	5.00	Đ/c Danh – Phòng CTSV
III.1.2.	Có kết quả bài thu hoạch Tuần Sinh hoạt công dân – sinh viên ở mức Đạt	5.00	Đ/c Danh – Phòng CTSV
III.2.	Tham gia các hoạt động chính trị - xã; hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao do lớp, Khoa, Trường tổ chức; tham gia viết bài cho Trang thông tin điện tử của Trường, e-News	10.00	Các đơn vị tổ chức
III.3.	Tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội: ma túy, mại dâm; cam kết không sử dụng, tàng trữ, vận chuyển, mua bán ma túy và các chất kích thích khác.	2.00	Đ/c Thiện – P.CTSV
III.4.	Được công nhận danh hiệu Thanh niên khỏe hoặc Sinh viên khỏe từ cấp Khoa trở lên (có giấy chứng nhận)	3.00	Đoàn TN, Hội SV
IV.	Đánh giá ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	25.00	
IV.1.	Chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.	2.00	Phòng CTSV lập danh sách quy phạm.
IV.2.	Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện (đóng góp đầy đủ các loại quỹ: quỹ Xây dựng nhà tình nghĩa, quỹ Khuyến học, quỹ Vì người nghèo, quỹ Công trình thanh niên, Đoàn phí, Hội phí,...).	3.00	Đoàn TN, Hội SV lập danh sách không tham gia.

Tiêu chí	Nội dung	Hạn mức	Đơn vị cung cấp minh chứng loại 2
IV.3.	Tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	20.00	
IV.3.1.	Chiến dịch mùa hè xanh (cộng 02 học kỳ).	10.00	Đoàn TN, Hội SV
IV.3.2.	Hiển máu nhân đạo (5 điểm/lần)	5.00	Đoàn TN, Hội SV lập danh sách hiển máu trong trường; Lớp lập danh sách hiển máu ngoài trường (kèm bản photo giấy chứng nhận hiển máu).
IV.3.3.	Tiếp sức mùa thi (của Trường hoặc của địa phương có giấy xác nhận)	5.00	Đoàn TN, Hội SV
IV.3.4.	Công trình thanh niên (cấp Trường 5 điểm/công trình; cấp Khoa 4 điểm/công trình; cấp Chi Đoàn/Chi Hội 3 điểm/công trình)	10.00	Đoàn TN, Hội SV lập danh sách CTTN cấp Trường. Cấp Khoa, Chi đoàn đã triển khai cho các đơn vị tổ chức trên hệ thống phần mềm.
IV.3.5.	Tham gia sinh hoạt hè (có giấy xác nhận, cộng 02 học kỳ)	3.00	Đoàn TN, Hội SV, Khoa, Lớp
IV.3.6.	Trực Thư viện, trực Phòng Công tác Sinh viên, trực Văn phòng Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên (đánh giá tùy theo mức độ tham gia)	10.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV, Thư viện
IV.3.7.	Các hoạt động về công tác xã hội như: Xuân tình nguyện, cứu trợ thiên tai, chăm sóc gia đình chính sách/trẻ em mồ côi, hoạt động công ích,... (tối đa 4 điểm/hoạt động)	8.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV, Các Khoa
IV.3.8.	Tình nguyện viên hỗ trợ tổ chức các hoạt động của Trường (tối đa 3 điểm/hoạt động)	9.00	Phòng CTSV
V.	Các nội dung cộng thêm (điểm thưởng) Mục này chỉ được cộng vào tổng điểm khi sinh viên đạt điểm ở Tiêu chí IV từ 15 điểm trở lên.	10.00	
V.1.	Sinh viên được khen thưởng các cấp	10.00	
V.1.1.	Khoa, Đoàn - Hội Khoa, UBND cấp xã/phường/thị trấn	3.00	Khoa, Đoàn - Hội Khoa
V.1.2.	Trường, Đoàn - Hội Trường, UBND cấp huyện/thị xã/thành phố (riêng Khen thưởng năm học của Trường cộng 2 học kỳ)	6.00	Phòng CTSV, Đoàn - Hội Trường
V.1.3.	Tỉnh/thành	8.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV
V.1.4.	ĐHQG-HCM, Trung ương	10.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV
V.2.	Sinh viên có nghị lực phấn đấu vươn lên trong học tập	10.00	
V.2.1.	Sinh viên có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn	4.00	Đ/c Dương - Phòng CTSV

Tiêu chí	Nội dung	Hạn mức	Đơn vị cung cấp minh chứng loại 2
V.2.2.	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ (cộng 2 học kỳ)	6.00	Đ/c Dương - Phòng CTSV
V.2.3.	Sinh viên khuyết tật (cộng 2 học kỳ)	10.00	Đ/c Dương - Phòng CTSV
V.3.	Sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý (đánh giá theo mức độ thực hiện nhiệm vụ)	10.00	
V.3.1.	Ủy viên BCH Đoàn/Hội cấp Trường; Bí thư/Lớp trưởng (BT/LT) các lớp; Chủ nhiệm/Phó Chủ nhiệm CLB; Thành viên các đội hỗ trợ của Trường (Đội Cờ đỏ, Đội Văn nghệ, Bộ phận trực thuộc Trường);...	10.00	- Đ/c Trọng lập danh sách cộng/trừ điểm BT/LT. - Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và Quản lý các Đội hỗ trợ lập danh sách có liên quan. - TTDVKTX lập danh sách Đội tự quản.
V.3.2.	Các đối tượng còn lại (Ủy viên BCH Đoàn/Hội cấp Khoa, Ủy viên BCH Chi đoàn các lớp, Ban Cán sự lớp,...)	8.00	- Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên lập danh sách có liên quan. - BT/LT lập danh sách sinh viên hỗ trợ quản lý lớp còn lại của lớp (phải có xác nhận của CVHT).
V.4.	Sinh viên được bình chọn là thành viên xuất sắc của lớp (tối đa 30% sĩ số lớp).	5.00	BT-LT lập danh sách thành viên xuất sắc của lớp trừ các đối tượng ở mục V.3.1 và V.3.2 (phải có xác nhận của CVHT).
V.5.	Tập thể được khen thưởng từ cấp trường trở lên.	5.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV
Tổng điểm 5 tiêu chí		100.00	